

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Thôn X, xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương; trú tại: Phố T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hải Dương (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn V, sinh năm 1986; trú tại: Thôn X, xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Q trình bày: Chị và anh Trần Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ph, huyện K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/12/2008. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V đi làm ăn xa, có quan hệ với người phụ nữ

khác, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng hay xảy ra xô xát; đầu tháng 7 năm 2018 chị về nhà mẹ đẻ tại thị trấn L, huyện L ở và hai người không gặp gỡ, quan tâm tới nhau. Chị xác tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con là Trần Nam Kh, sinh ngày...2009 và Trần Ngọc Quỳnh C, sinh ngày...2017, hiện anh V đang nuôi cháu Kh, chị đang nuôi cháu Quỳnh C. Chị đề nghị, sau khi ly hôn anh V tiếp tục nuôi cháu Kh, chị nuôi cháu Quỳnh C, chị không yêu cầu anh phải cấp dưỡng cho cháu Quỳnh C.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn – anh V trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị Q trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Q ghen tuông vô cớ, cư xử không đúng mực với gia đình anh. Anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh nhất trí ly hôn nhưng sau đó anh lại thay đổi quan điểm, không nhất trí ly hôn, lý do anh đưa ra là vẫn còn thương yêu chị Q. Về con chung, nếu ly hôn anh nhất trí anh nuôi cháu Kh, chị Q nuôi cháu Quỳnh C; anh cũng không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng cho cháu Kh.

Về quan hệ tài sản chung: Cả chị Q, anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 02/5/2018: Cháu Trần Nam Kh bày tỏ nguyện vọng muốn được ở với bố (anh V) sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên Tòa: Chị Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V; giao con Trần Ngọc Quỳnh C cho chị nuôi dưỡng, con Trần Nam Kh cho anh V nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho cháu C.

Anh V có quan điểm, không nhất trí ly hôn, nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh nhất trí việc nuôi con như chị Q đề nghị, anh cũng không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng cho cháu Kh, nhưng anh tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Quỳnh C hàng tháng, với số tiền là 5000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, chị Q, anh V không có bất kỳ yêu cầu, đề nghị nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Q đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị Q ly hôn anh Trần Văn V; giao cho chị Q nuôi dưỡng

cháu C, anh V nuôi dưỡng cháu Kh. Chấp nhận sự tự nguyện của anh V không yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho cháu Kh, còn anh cấp dưỡng cho cháu Quỳnh C hàng tháng, với số tiền là 5000.000đ/tháng; chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Q và anh Trần Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Ph, huyện K nơi sinh sống của anh V tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Q và anh V là hợp pháp.

[2] Chị Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn, anh V không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả chị Q và anh V đều xác định vợ chồng mâu thuẫn từ đầu năm 2017 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại buổi hòa giải ngày 13/7/2018 hai người đã thống nhất thuận tình ly hôn, nhưng đến ngày 17/7/2018 anh V lại có đơn thay đổi, không nhất trí ly hôn với lý do là anh vẫn thương vợ, yêu con. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh không có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn, hai người sống mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Mặt khác, chính quyền địa phương xã Ph cũng xác định hiện chị Q đã về nhà mẹ đẻ ở, mỗi người một nơi và đề nghị Tòa án sớm giải quyết yêu cầu của chị Q, tránh để mâu thuẫn kéo dài có thể dẫn đến hậu quả xấu. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Q ly hôn anh V.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị Q và anh V có 02 con là Trần Nam Kh, sinh ngày...2009 và Trần Ngọc Quỳnh C, sinh ngày...2017, hiện anh V đang nuôi cháu Kh, chị Q đang nuôi cháu Quỳnh C. Cả anh và chị đều đề nghị, sau khi ly hôn anh trực tiếp nuôi cháu Kh, chị trực tiếp nuôi cháu Quỳnh C và đều không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con, song anh V tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Quỳnh C hàng tháng, với số tiền là 5000.000đ/tháng; cháu Kh cũng có nguyện vọng được ở với bố (anh V). Căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên, nguyện vọng của con, quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh C, anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh; chấp nhận việc anh V không yêu chị

Q phải cấp dưỡng cho cháu Kh và anh tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Quỳnh C hàng tháng.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Q khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh V cấp dưỡng cho con nên phải chịu án phí cấp dưỡng cho con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Q ly hôn anh Trần Văn V.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Trần Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Ngọc Quỳnh C, sinh ngày...2017 cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cho anh Trần Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trần Nam Kh, sinh ngày...2009 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn V cấp dưỡng cho cháu Trần Ngọc Quỳnh C hàng tháng, với số tiền là 5000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Q, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án mà anh V thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì anh V phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003118 ngày 03 tháng 4 năm 2018; anh Trần Văn V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Q và anh Trần Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 21/8/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Ph, H. K;
- UBND thị trấn L, H.L;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân